

Số: **09** /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **05** tháng **3** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/05/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 103/TTr-STC ngày 04/3/2019.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020), cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.



2. Đơn vị thực hiện thu: Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Hoài Nhơn.

3. Giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2019-2020 (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), cụ thể như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

** Việc thu giá dịch vụ quy định tại Phụ lục nêu trên được thực hiện theo hình thức đồng/đơn vị/tháng, đồng/tấn là do đơn vị thu thỏa thuận, thống nhất với đối tượng được cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng để thực hiện cho phù hợp.*

4. Phương thức thu giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

a) Căn cứ tình hình điều kiện thực tế, Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Hoài Nhơn áp dụng mức giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa Quy định nêu trên.

b) Khoản tiền thu từ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Nhơn được xác định là nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị thu. Đơn vị thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật; đồng thời thực hiện quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lme*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K10, K14, TTTTCB. *lme*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI CHỨNG CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

LỘ TRÌNH 02 NĂM (2019-2020)

09 /2019/QĐ-UBND ngày 05/ 3/2019 của UBND tỉnh



S TT	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý rác thải (đã bao gồm thuế GTGT)		
		Năm 2019	Năm 2020	
I	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh			
1	Thị trấn Bồng Sơn	đồng/hộ/tháng	1.500	2.000
2	Thị trấn Tam Quan	đồng/hộ/tháng	1.500	2.000
3	Xã Tam Quan Bắc	đồng/hộ/tháng	1.500	2.000
4	Xã Hoài Đức	đồng/hộ/tháng	1.500	2.000
II	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, Ban quản lý chợ			
1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà	đồng/đơn vị/tháng	3.000	4.000
2	Hộ kinh doanh cho thuê nhà trọ	đồng/đơn vị/tháng	5.000	6.000
III	Mức thu đơn vị thu gom rác thải thu đối với ban quản lý, đơn vị quản lý chợ (trừ chợ Tam Quan, Bồng Sơn, Tam Quan Bắc ở mục VIII)			
IV	Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp	đồng/đơn vị/tháng	100.000	150.000
V	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà nghỉ (trên 20 phòng), nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống và hộ kinh doanh có quy mô lớn	đồng/đơn vị/tháng	20.000	30.000
VI	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe (trừ các đối tượng ở mục VIII)	đồng/đơn vị/tháng	30.000	40.000
VII	Đối với các công trình xây dựng	đồng/đơn vị/tháng	40.000	50.000
VIII	Đối với những đơn vị cá biệt phát sinh khối lượng rác lớn			
1	Công ty may Tam Quan	đồng/tấn	45.000	60.000
2	Công ty WASH	đồng/tấn	55.000	65.000
3	Cty CP may An Phát	đồng/tấn	55.000	65.000
4	Trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	đồng/tấn	55.000	65.000
5	Chợ Tam Quan Bắc	đồng/tấn	25.000	30.000
6	Chợ Bồng Sơn	đồng/tấn	25.000	30.000
7	Chợ Tam Quan	đồng/tấn	25.000	30.000
8	Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn	đồng/tấn	25.000	30.000
9	Ban quản lý Cảng cá	đồng/tấn	55.000	65.000
IX	Các đơn vị hợp đồng xử lý rác thải			
1	Công ty TNHH Chế biến rác thải Duy Anh	đồng/tấn	30.000	40.000
2	Doanh nghiệp tư nhân An Trường Thành	đồng/tấn	30.000	40.000
3	Doanh nghiệp tư nhân Lê Duy	đồng/tấn	30.000	40.000
4	HTX TH Hoài Hải	đồng/tấn	30.000	40.000
X	Đối với cảng cá Tam Quan			
1	Các hộ mua bán cố định	đồng/đơn vị/tháng	5.000	7.000
2	Phương tiện vận tải	đồng/đơn vị/tháng	5.000	7.000
3	Tàu thuyền các loại	đồng/đơn vị/tháng	5.000	7.000

